Vai trò của già làng các dân tộc thiểu số Tây Nguyên và một số vấn đề đặt ra trong phát triển bền vững

PGS.TS BÙI VĂN ĐẠO
Chủ nhiệm đề tài TN3/X18

Ngoài dân tộc Kinh và các dân tộc thiểu số (DTTS) di cư từ miền núi phía Bắc vào, Tây Nguyên còn có 12 DTTS tại chỗ sinh sống, nói 2 nhóm ngôn ngữ Môn Khơ me và Nam Đảo. Các DTTS tại chỗ Tây Nguyên bước vào phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) từ sau năm 1975 đến nay với xuất phát điểm xã hội tự thân còn thấp. Trước ngày miền Nam giải phóng, dù chịu ảnh hưởng ít nhiều của chủ nghĩa thực dân cũ và mới, nhưng về bản chất, các DTTS tại chỗ Tây Nguyên còn đang trong giai đoạn xã hội tiền giai cấp, hay giai đoạn xã hội mạt kỳ nguyên thủy, khác với xã hội đã trải qua chế độ phong kiến tập quyền phương Đông của dân tộc Kinh, cũng khác với xã hội đã trải qua chế độ phong kiến sơ kỳ hay chế độ cống nạp phương Đông của các DTTS mới đến từ miền núi phía Bắc. Trình độ phát triển KT-XH tự thân tiền giai cấp dẫn đến vai trò đậm nét của nhóm già làng các DTTS tại chỗ, tác động khác nhau đến tiến trình phát triển bền vững KT-XH, văn hóa và củng cố an ninh - chính trị Tây Nguyên những thập niên qua.

Trên cơ sở các nghiên cứu đã công bố và từ nguồn tài liệu thu thập qua đợt điều tra thực địa tại các tỉnh Kon Tum, Gia Lai và Đăk Lăk trong năm 2013 của đề tài: "Vai trò của một số nhóm xã hội của các dân tộc tại chỗ trong phát triển bền vững Tây Nguyên" (mã số TN3/X18 thuộc Chương trình Tây Nguyên 3), bài viết nêu lên vai trò của nhóm xã hội già làng các DTTS Tây Nguyên và một số vấn đề đặt ra cho phát triển bền vững.

Khái niệm già làng

Ở các quốc gia phương Đông, trong đó có Việt Nam, già làng vốn là từ chỉ nhóm những người cao tuổi, tức là chỉ một lớp người (chứ không phải một người) nhiều tuổi, hiểu biết phong tục tập quán, có kinh nghiệm sống và sản xuất, có đạo đức chuẩn mực, nhiều cống hiến, có uy tín, trong mọi xã hội, nhất là trong xã hội tiền giai cấp, khi mà con người sống theo phong tục tập quán và luật tục, già làng được gia đình, dòng họ và toàn thể cộng đồng kính trọng, tôn vinh[1]. Bên cạnh khái niệm già làng nêu trên, trong khoa học còn tồn tại khái niệm già làng chỉ một thiết chế xã hội, gọi là thiết chế tự quản thôn làng hay thiết chế già làng, là phạm trù lịch sử. Nó nảy sinh và phát huy tối đa vai trò trong xã hội nguyên thuỷ. Trong các xã hội tiếp theo, vai trò của già làng và thiết chế già làng không phải mất ngay mà còn tiếp tục tồn tại ở những mức độ đậm nhạt khác nhau. Ở Việt Nam, đến trước cách mạng Tháng Tám, thiết chế già làng còn dấu ấn tại hầu khắp các dân tộc. Hồi âm của thiết chế này ở người Việt có thể thấy qua tổ chức và hoạt động của Hội đồng kỳ mục, sau đó, được thay thế bởi Hội đồng tộc biểu sau Cải lương hương chính năm 1921. Ở các DTTS, thiết chế tự quản già làng còn thấy qua vai trò của trưởng bản ở miền núi miền Bắc, trưởng phum, sóc ở Tây Nam Bộ, trưởng buôn, trưởng làng ở khu vực Trường Sơn - Tây Nguyên[2]. Từ thực tế đó, trong tiếng Việt xuất hiện các cụm từ *già làng, trưởng bản*, *già làng, trưởng buôn* hay *già làng, trưởng phum, sóc* để chỉ hai đối tượng khác nhau là nhóm người già có uy tín trong cộng đồng và một cá nhân uy tín nhất trong số các già làng đó, cũng là người đứng đầu cộng đồng. Như vậy, trong nguyên uỷ, già làng và trưởng bản (buôn, phum, sóc) là hai khái niệm khác nhau. Già làng là từ chỉ một nhóm người, một lớp

người có uy tín trong mỗi cộng đồng, còn trưởng bản, buôn, phum, sóc là từ chỉ người có uy tín nhất đứng đầu các già làng.

Những thập niên gần đây, do biến đổi của thực tiễn và của ngôn ngữ, ở Tây Nguyên nói riêng và ở cả nước nói chung, tồn tại khái niệm già làng với nội hàm mới. Tuy vai trò của thiết chế già làng chưa mất hẳn, ở mỗi buôn làng vẫn bầu một hoặc hai, ba người già có uy tín làm nhiệm vụ cầu nối giữa phong tục truyền thống và hiện đại, gọi chung là già làng. Khái niệm già làng ở dân tộc Tây Nguyên từ chỗ chỉ một lớp người nay chuyển sang vừa chỉ một lớp người theo quan niệm truyền thống, vừa chỉ một cá nhân/nhóm cá nhân cao tuổi có uy tín nhất, có chức năng tham gia quản lý xã hội theo quan niệm hiện nay. Khái niệm già làng ngày nay là hồi âm và biến thể của khái niệm thiết chế tự quản già làng trước đây, cũng là khái niệm sử dụng trong nội dung bài viết này.

Hiện nay đang tồn tại khái niệm *những người có uy tín trong cộng đồng* theo văn kiện Đại hội IX của Đảng. Có sự khác biệt giữa già làng và người có uy tín. Người có uy tín bao gồm nhiều đối tượng, trong đó có già làng. Già làng đại diện cho phong tục tập quán và luật tục dân tộc, làm cầu nối giữa truyền thống với hiện tại. Người có uy tín, ngoài già làng, còn là những người có công với dân tộc, với cách mạng, với sự nghiệp xây dựng, bảo vệ quê hương, đất nước trong những thập niên đương đại như trưởng thôn, thành viên mặt trận, bí thư chi bộ, nhân sỹ, trí thức, đôi khi là chức sắc tôn giáo.

Già làng ở các DTTS tại chỗ Tây Nguyên có những đặc thù riêng. Xã hội truyền thống các DTTS tại chỗ Tây Nguyên là xã hội nguyên thuỷ, quản lý xã hội dựa vào luật tục và hoạt động của thiết chế già làng, trong đó, chủ làng và nhóm người già có uy tín đóng vai trò điều hành và ổn định xã hội. Đến trước cách mạng, ở các DTTS như dân tộc Chăm và Khơ Me, thiết chế già làng tồn tại trong lòng xã hội sơ kỳ phong kiến hay phong kiến tập quyền, còn ở Tây Nguyên, nói rộng ra là ở Trường Sơn Tây Nguyên, thiết chế già làng vẫn tồn tại trong xã hội nguyên thuỷ mạt kỳ, tức là tồn tại trong chính xã hội đã sản sinh ra nó, cũng có nghĩa, tồn tại ở Tây Nguyên thiết chế già làng điển hình trong các thiết chế già làng ở các DTTS Việt Nam.

Vài nét về vai trò của già làng các DTTS tại chỗ Tây Nguyên trước đổi mới

Trong truyền thống, ở dân tộc Kinh và các DTTS miền núi phía Bắc, bên trên làng hay bản, còn nhiều đơn vị xã hội cao hơn như xã, tổng, huyện, tỉnh, hay chiềng, mường, châu, tỉnh, trên cùng là nhà nước phong kiến trung ương tập quyền. Ở Tây Nguyên, xa xưa, có thể từng tồn tại một vài liên minh nhiều làng gọi là *tơ ring* hay *kring* (thực chất là quan hệ lỏng lẻo về thần quyền và quân sự), nhưng phổ biến ở các dân tộc vẫn là những buôn làng như là đơn vị xã hội độc lập và duy nhất[3]. Điều hành công việc của mỗi buôn làng là thiết chế tự quản buôn làng, hay thiết chế tự quản già làng, do một nhóm những người già đảm nhiệm. Đứng đầu mỗi buôn làng là người đầu làng, hay chủ làng, ở người Ba Na là *kan plei, pgơl plei* hay *tơm plei*, người Xơ Đăng là *kđrah plei*, ở người Gia Rai là *pô plei* hay *khoa plei,* ở người Ê Đê là *pô buôn* hay *khoa buôn,* người Mnông gọi là *quăng bon...* Thể thức kế truyền chủ làng khác nhau ở mỗi vùng, mỗi dân tộc. Tại các dân tộc nói ngôn ngữ Nam Đảo như Ê Đê, Gia Rai, chức chủ làng được trao truyền trong một dòng họ nhất định, như dòng họ Nie ở người Ê Đê thường là chủ làng. Thể thức kế truyền chức chủ làng ở các dân tộc nói ngôn ngữ Môn Khơ me lại theo lối dân chủ mang màu sắc thần quyền. Tại các làng của người Ba Na, khi chủ làng mất đi, các trưởng dòng họ lớn trong làng họp lại thực hiện nghi thức bóp trứng (*pchạ ktáp ier*). Ai bóp vỡ quả trứng cầm dọc thì người đó trở thành chủ làng, vì như thế ông ta mặc nhiên được thần linh ngầm định giao phó trọng trách này. Dù được bầu theo thể thức nào thì già làng cũng là người thông tuệ, minh triết, có uy tín, đức độ, am hiểu phong tục, tập quán, có nhiều kinh nghiệm sản xuất, làm nhiệm vụ quản lý, điều phối và quyết định mọi công việc trọng sự của buôn làng. Chủ làng là biểu tượng tập trung và kết hợp của thần quyền và chính quyền trong mỗi cộng đồng. Giúp việc cho chủ làng là một số người già có uy tín khác, gồm hội đồng già làng, chủ đất (hay chủ rừng), thầy cúng, ở một số dân tộc nam Tây Nguyên có thêm chủ bến nước, người xử kiện.

Hội đồng già làng là thuật ngữ phổ thông chỉ nhóm người già có uy tín ở các buôn làng Tây Nguyên, bao gồm những người đàn ông cao tuổi, thường đại diện cho các dòng họ trong làng mà tiếng Ê Đê, Gia Rai gọi là *klâng kie kreh*, tiếng Ba Na gọi là *nu krặ plei*. Vai trò của hội đồng già làng Tây Nguyên gần giống vai trò của Hội đồng tộc biểu, một tổ chức xã hội dân sự mà người Pháp khuyến khích thành lập khi thực hiện chính sách "Cải lương hương chính" ở các làng người Việt đồng bằng sau năm 1921. Mỗi khi trong làng có trọng sự, chủ làng họp các già làng để thảo luận và tham vấn, ý kiến của các già làng được chủ làng tôn trọng, nhưng quyết định cuối cùng vẫn thuộc chủ làng[4].

Đất, rừng là nguồn tài nguyên và tư liệu sản xuất quý giá và quan trọng hàng đầu với người Tây Nguyên. Vì thế, tồn tại ở nhiều buôn làng dân tộc tại chỗ Tây Nguyên người chủ đất, hay chủ rừng, mà người Ê Đê,

Gia Rai gọi là *pô lăn,* người Mnông gọi là *rnút*, người Cơ Ho gọi là *chau quăng bri,* người Ba Na gọi là *tơm bri.* Dù được gọi là chủ đất hay chủ rừng thì nhiệm vụ chung của người có uy tín này vẫn là thay mặt buôn làng trông nom quản lý đất, rừng của cộng đồng theo phong tục và luật tục ngàn xưa.

Mỗi làng Tây Nguyên đều có một thầy cúng, là người già, người Ê Đê gọi là *pô riu yang* hay *pa gê,* người Mnông gọi là *kuol liang* hay *ve bri,* người Ba Na gọi là *tơm yang* hay đôi khi gọi là *pơjâu,* được coi là có khả năng kỳ lạ, làm cầu nối giữa con người với thần linh và với thế giới các ma. Nhiệm vụ của thầy cúng là giúp chủ làng và thay mặt cộng đồng khấn lễ mời gọi thần linh về thụ hưởng vật cúng và phù hộ cho dân làng trong các lễ thức cộng đồng.

Người xử kiện có ở các dân tộc phía nam Tây Nguyên, tiếng Ê Đê, Gia Rai gọi là *pô phát kđi,* tiếng Mnông gọi là *nê pa kdôi,* có chức năng giúp chủ làng trong việc xét xử các vụ việc vi phạm luật tục. Theo nguyên tắc, mỗi dòng họ có một *pô phát kđi*, cũng đồng thời là trưởng dòng họ *đam dêi,* nên trưởng họ và người xử kiện có thể được gọi chung bằng thuật ngữ ghép *đam dei pô phat kđi*. Mỗi *pô phát kđi* thay mặt dòng họ tranh tụng cho người trong họ của mình. Một số phẩm chất quan trọng hàng đầu của người xử kiện là có trí nhớ tốt, hùng biện và nắm vững *duê klei bhiăn* (luật tục dân tộc).

Trong hệ thống thiết chế tự quản buôn làng, không thể không nhắc đến vai trò của người chủ bến nước (*pô pin ea*) ở người Ê Đê. Như đã nói, người chủ bến nước ở buôn làng người Ê Đê cũng đồng thời là người thuộc dòng họ khai sinh thành lập của mỗi làng, bởi yếu tố đầu tiên cần xem xét để có thể lập buôn làng mới là có nguồn nước ăn và sinh hoạt. Đa số chủ bến nước ở các buôn làng Ê Đê thuộc dòng họ Niê. Nhiệm vụ của chủ bến nước là trông nom, quản lý điều hành việc sử dụng nguồn nước và cúng lễ nguồn nước, tài nguyên quan trọng và thiết yếu nhất của đời sống sinh hoạt và sản xuất của cộng đồng. Chính do vai trò quan trọng hàng đầu này mà chủ bến nước ở đa số các buôn làng Ê Đê trở thành người đầu làng hay chủ làng.

Tất cả những người có uy tín trong hệ thống thiết chế tự quản già làng nêu trên đều thực thi nhiệm vụ với ý thức tự nguyện và tự hào được đóng góp công sức vào việc duy trì và ổn định cuộc sống của buôn làng mà không kèm theo bất cứ chế độ hay quyền lợi vật chất nào. Mặc dù sơ giản và gọn nhẹ, nhưng bộ máy thiết chế tự quản buôn làng Tây Nguyên vận hành trật tự, có uy tín và có hiệu quả[5].

Thảo luận với cán bộ và người dân về vai trò của già làng

Góp phần làm nên tính hiệu quả trong hoạt động của thiết chế tự quản già làng các DTTS tại chỗ tỉnh Gia Lai còn có vai trò rất quan trọng của luật tục hay tập quán pháp dân tộc. Mọi hoạt động của già làng và thiết chế tự quản đều tuân theo luật tục, một thứ luật pháp sơ khai, tiền giai cấp, truyền khẩu, được chủ làng, già làng nắm vững, được dân làng chấp nhận, có vai trò điều hoà quan hệ con người với nhau và con người với tự nhiên. Người Tây Nguyên ít sợ vi phạm pháp luật Nhà nước, trong khi rất sợ vi phạm phong tục và luật tục. Họ rất sợ bị dân làng phân biệt đối xử và tội nặng nhất là tội bị đuổi ra khỏi buôn làng do vi phạm phong tục và luật tục. Các vụ việc vi phạm luật tục đều được đưa ra buôn làng phân xử. Trình tự xét xử thường là chủ làng đặt những câu hỏi cho hai đương sự, các nhân chứng trình bày ý kiến nếu có, những người xử kiện đại diện hai bên đương sự hoặc thành viên hội đồng già làng vận dụng hiểu biết về luật tục cùng tranh biện và định mức án, cuối cùng là chủ làng nghị án. Kết quả phân xử có thể là nộp phạt cho bên nguyên hoặc nộp phạt cho dân làng để cúng tạ thần linh.

Trong suốt nửa đầu của thế kỷ XX, thực hiện chính sách chia rẽ Kinh - Thượng, thực dân Pháp chủ trương giữ nguyên cơ cấu xã hội cũ, duy trì thiết chế tự quản già làng, tôn trọng chủ làng, già làng, thiết lập bộ máy hành chính trên buôn làng, bao gồm tổng, huyện, tỉnh, trong đó, cử các tù trưởng lớn là chánh tổng, cử chủ làng làm trưởng làng, vừa điều hành phong tục, luật tục, vừa quản lý nhà nước. Chính thể Ngô Đình Diệm lên cầm quyền đã chủ trương đồng hoá các DTTS tại chỗ, phủ nhận thiết chế tự quản già làng, thay luật tục cổ truyền bằng luật pháp nhà nước. Học

tập người Pháp và rút kinh nghiệm Ngô Đình Diệm, chính thể Nguyễn Văn Thiệu chủ trương tôn trọng phong tục tập quán, thiết chế tự quản già làng, tái lập các toà án phong tục, đưa chủ buôn lên làm trưởng buôn, vừa thực hiện chức năng điều hành phong tục vừa thực hiện chức năng quản lý nhà nước. Ngoài trưởng buôn làng có một phó trưởng buôn, đều được hưởng phụ cấp hàng tháng. Thời kỳ 10 năm sau ngày miền Nam giải phóng, do quan niệm những gì của truyền thống đều là lỗi thời, vai trò của thiết chế già làng ở các buôn làng Tây Nguyên mặc nhiên bị quên lãng. Mặc dù vậy, do tính chưa phù hợp của luật pháp và của hệ thống chính trị còn mới mẻ, thiết chế già làng vẫn chưa mất hẳn, vai trò của già làng, hội đồng già làng, người xử kiện, thầy cúng vẫn âm thầm tồn tại[6].

Vai trò của già làng các DTTS tại chỗ Tây Nguyên trong 25 năm đổi mới

Từ khi đất nước đổi mới đến nay, do đòi hỏi của thực tiễn, Nhà nước và các tỉnh Tây Nguyên chủ trương tôn trọng vai trò của già làng và thiết chế tự quản già làng. Theo đó, để làm cầu nối giữa truyền thống và hiện đại, giữa luật tục với luật pháp, mỗi thôn làng cử ra một hay nhiều già làng, thường là một già làng. Riêng làng dân tộc Ba Na ở tỉnh Gia Lai đôi khi là hai, ba già làng, trong đó, nếu là hai già làng thì một già làng lo việc cúng bái ở nhà rông, một già làng lo việc duy trì phong tục, nếu ba già làng thì thêm một già làng thay thế, hỗ trợ cho già làng phong tục khi già làng phong tục đau ốm. So với truyền thống, tiêu chí trở thành già làng có thay đổi. Được cử làm già làng không nhất thiết phải là người chỉ nắm vững phong tục tập quán và kinh nghiệm sản xuất, mà còn có thể là người có trình độ học vấn, từng đi ra ngoài, là bộ đội hay cán bộ về hưu, có nhiều kiến thức khoa học kỹ thuật mới. Già làng cũng không nhất thiết phải là người già tuổi 60, mà có thể là người tuổi 50.

Kết quả điều tra, khảo sát tại 12 làng thuộc 5 dân tộc Giẻ Triêng, Xơ Đăng, Ba Na, Gia Rai, Ê Đê ở 3 tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đăk Lăk cho thấy, già làng ở các dân tộc có 5 vai trò chính như sau:

Thứ nhất, duy trì phong tục tập quán, phối hợp với chính quyền, mặt trận phân xử các vụ việc vi phạm phong tục theo luật tục cộng đồng. Các vụ việc được đưa ra phân xử theo luật tục thường là: đánh chửi nhau, vợ chồng bỏ nhau, trộm cắp vặt, thoái hôn, tranh chấp tài sản, gia súc phá hoại hoa màu...

Thứ hai, đại diện cộng đồng duy trì đời sống tâm linh, tín ngưỡng. Mọi sinh hoạt tín ngưỡng của buôn làng đều do già làng chủ trương và chủ trì thực hiện. Ở các làng Ba Na, Xơ Đăng, Giẻ Triêng, Gia Rai già làng chủ trì nhiều lễ cúng cộng đồng tại nhà rông trong năm như: lễ cúng trỉa lúa, lễ cúng máng nước, lễ cúng đuổi sâu bọ, lễ cúng thu hoạch lúa, lễ cúng mừng được mùa…

Thứ ba, phối hợp với ngành văn hoá động viên dân làng bảo tồn các giá trị văn hóa đặc trưng tiêu biểu truyền thống như cồng chiêng, sử thi, dân ca, dân nhạc, dân vũ và không gian âm nhạc cồng chiêng... Những gì còn lại của văn hóa truyền thống, dù không nhiều, nhưng ẩn chứa trong đó công lao và tâm huyết của các già làng.

Thứ tư, phối hợp với hệ thống chính trị, xã hội mới động viên dân làng chấp hành chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước và phát triển KT-XH. Kết quả điều tra, khảo sát cho thấy, già làng có vai trò trong động viên dân làng trồng trọt, chăn nuôi, trong ổn định trật tự xã hội, xây dựng cơ sở vật chất hạ tầng, phát triển y tế, giáo dục, xóa đói giảm nghèo... Trong các cuộc họp thôn làng triển khai phát triển KT-XH theo chủ trương của Đảng và Nhà nước, dân làng đều rất chú ý lắng nghe ý kiến của già làng, vì già làng là hiện thân của trí tuệ và truyền thống dân tộc. Trong nhận thức của người dân, tiếng nói của già làng nhiều khi sâu sắc hơn, đậm nét hơn và đại diện cho cái đúng hơn so với tiếng nói của cán bộ buôn làng.

Thứ năm, hỗ trợ tổ chức Đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể vận động dân làng tin theo Đảng và Nhà nước, đoàn kết với các dân tộc, không tin theo luận điệu tuyên truyền của các thế lực phản động trong và ngoài nước, góp phần củng cố lòng dân và củng cố an ninh chính trị ở các buôn làng dân tộc thiểu số tại chỗ.

Trong 5 vai trò nêu trên, 2 vai trò đầu nhằm duy trì truyền thống dân tộc, 3 vai trò sau nhằm hỗ trợ phát triển KT-XH hiện nay, cho thấy, già làng có vai trò cầu nối giữa luật tục với luật pháp, giữa truyền thống với hiện đại, cũng cho thấy, già làng thực sự là nhân tố hỗ trợ cho hệ thống quản lý xã hội quan phương ở các thôn làng hoàn thành nhiệm vụ. Khi có tâm tư, nguyện vọng và khúc mắc, trong nhiều trường hợp, dân làng thường đến hỏi già làng trước khi hỏi chính quyền. Đa số các trưởng thôn ở các buôn được khảo sát đều cho rằng, ý kiến của già làng trong các cuộc họp buôn triển khai chính sách là rất quan trọng. Ảnh hưởng của thiết chế xã hội, của già làng, luật tục và phong tục tập quán buôn làng trong người dân còn đậm nét và không dễ gì trong một, hai chục năm tới có thể thay đổi và thay thế được. Khó có thể nói, hiện nay cán bộ cơ sở cấp thôn buôn có uy tín hơn già làng nếu không muốn nói rằng ở nhiều thôn buôn người dân nghe già làng nhiều hơn nghe cán bộ thôn buôn. Cũng khó có thể nói rằng, trong nhận thức của người dân, luật pháp và toà án nhà nước cần hơn luật tục và toà án phong tục. Luật tục về danh nghĩa bị xóa bỏ để thay bằng

Toạ đàm với cán bộ sở, ban, ngành tỉnh Gia Lai về vai trò của già làng

pháp luật, nhưng thực tế vẫn tồn tại thông qua hoạt động của tổ hòa giải buôn làng. Điều này do pháp luật chưa phù hợp, chưa đi vào cuộc sống và chưa phát huy vai trò cần có ở cư dân đặc thù, trong khi luật tục vẫn chứng minh sức sống và vai trò trong đời sống. Đa số các vụ việc mâu thuẫn xích mích vừa và nhỏ ở các buôn làng chưa theo tôn giáo đều được giải quyết bởi tổ hòa giải. Thành phần của tổ hòa giải như là một thứ "tòa án phong tục" được mở rộng hơn trước, ngoài già làng và người xử kiện, có thêm thôn trưởng, thành viên mặt trận xã và thư ký. Tổ trưởng tổ hòa giải có thể là già làng, có thể là thành viên mặt trận kiêm già làng, nhưng thường là già làng. Mỗi khi có vụ việc, các thành viên tổ hòa giải xem xét diễn tiến, vận dụng luật tục để phân tích đúng sai của mỗi bên, sau đó thảo luận và thống nhất phương án xử lý. Do sự thay đổi của môi trường và điều kiện tự nhiên, tổ hòa giải ở các buôn làng hiện chủ yếu giải quyết những vụ việc nhằm điều chỉnh mối quan hệ con người với con người như đánh chửi nhau, ly hôn, trộm cắp, ngoại tình, tranh chấp tài sản, đất đai, mâu thuẫn vợ chồng.

Bên cạnh vai trò tích cực, hoạt động của già làng các DTTS tại chỗ Tây Nguyên cũng đang bộc lộ một số hạn chế, bất cập cần nhận diện và khắc phục. Một số già làng, nhất là già làng ở các vùng trung tâm, ven thị xã, thị trấn và đường quốc lộ còn chưa phát huy được vai trò cần có của mình, tiếng nói còn mờ nhạt. Tại nhiều làng theo Tin lành và Công giáo, nhất là ở Đăk Lăk, một số già làng còn kiêm chức sắc tôn giáo, thiên về lo việc đạo hơn là lo việc già làng. Ở nhiều già làng Ba Na, Gia Rai, Xơ Đăng không theo tôn giáo, già làng có khuynh hướng duy trì phong tục phạt vạ nặng nề cho các vi phạm phong tục, nhất là vi phạm luật tục về hôn nhân loạn luân, cận huyết bằng nhiều trâu, bò, dê. Các già làng Gia Rai ở làng không theo đạo còn khuyến khích phong tục ăn uống tốn kém, giết trâu, bò, heo trong tang ma, trong nghi lễ bỏ mả và trong lễ tạ ơn bố mẹ, hệ quả là gây lãng phí và tốn kém về kinh tế, dẫn đến đói nghèo và duy trì mê tín, trì trệ, cản trở cái mới.

Một số vấn đề đặt ra và đề xuất kiến nghị

Một số vấn đề đặt ra

Sự cần thiết duy trì già làng: ngày nay, vai trò của già làng và luật tục còn ảnh hưởng và tác động đến đời sống buôn làng Tây Nguyên, nhất là ở vùng sâu, vùng xa. Tiếng nói của già làng và vai trò của luật tục chi phối không chỉ đời sống KT-XH mà còn chi phối đời sống văn hóa và tâm linh của người dân. Luật pháp của Nhà nước tuy tiến bộ, nhưng với người dân không phải đã gần gũi, dễ hiểu, trong khi luật tục thì đã "đi vào máu thịt". Trong khi ngành tòa án chưa tìm được cơ chế và thể thức phù hợp để đưa luật pháp đi vào cuộc sống thì vai trò của luật tục thông qua phân xử của già làng vẫn cần được nhìn nhận và duy trì nhằm góp phần ổn định xã hội, bảo tồn văn hóa truyền thống và củng cố an ninh chính trị. Đành rằng quản lý xã hội chủ yếu và quyết định vẫn là thông qua hệ thống quản lý quan phương, nhưng trong một thời gian quá độ vài chục năm tới, vai trò của già làng còn tồn tại trong đời sống, cũng như cần chấp nhận, kế thừa và phát huy vai trò của nhóm xã hội này.

Xác định vị thế của già làng: nhằm hợp lý hóa và phát huy vai trò của già làng, các địa phương Tây Nguyên đã có sáng kiến đưa già làng vào tổ hòa giải thôn buôn, làm nhiệm vụ kép là duy trì phong tục tập quán và động viên người dân tin theo chế độ, sống theo pháp luật. Một số nơi, già làng là thành viên mặt trận xã kiêm nhiệm, có phụ cấp hàng tháng, nhưng là phụ cấp dành cho thành viên mặt trận. Một số nơi, già làng là bí thư chi bộ kiêm nhiệm, có phụ cấp hàng tháng, nhưng là phụ cấp dành cho bí thư chi bộ. Một số nơi, già làng chỉ là thành viên trong tổ hòa giải nên không có phụ cấp. Như vậy, già làng hiện tại thuộc tổ chức quản lý xã hội dân sự, không có phụ cấp, mặc dù nếu được động viên và phát huy, vai trò của họ là to lớn. Hiện nay, đã có một số chính sách của Nhà nước đối với người có uy tín ở Tây Nguyên, bao gồm trong đó cả già làng, nhưng có ý nghĩa tôn vinh là chính, chưa có chế độ cụ thể dành riêng và động viên thỏa đáng. Điều này không khỏi dẫn đến người dân và bản thân các già làng băn khoăn, thắc mắc[7].

Có sự phân hoá và khác biệt vai trò già làng giữa làng theo đạo và làng không theo đạo: kết quả điều tra, khảo sát ở 3 tỉnh, đặc biệt ở Đăk Lăk, nơi tôn giáo ở đối tượng DTTS tại chỗ phát triển nhất cho thấy, dưới tác động của các điều kiện mới, đặc biệt là của đạo Thiên chúa và Tin lành, ở các buôn làng theo tôn giáo, vai trò của già làng mờ nhạt hơn vai trò già làng ở các làng theo tín ngưỡng truyền thống, thể hiện ở ba khác biệt chính. Một là, do mâu thuẫn tín điều, ở các làng theo đạo, già làng không có vai trò chức năng cúng lễ cộng đồng, tức không có chức năng tín ngưỡng cộng đồng truyền thống. Hai là, già làng không có vai trò bảo tồn văn hóa, phong tục tập quán truyền thống. Ba là, vai

trò của già làng trong kết hợp với hệ thống chính trị động viên dân làng thực hiện chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước cũng mờ nhạt hơn. Ở đây có mối quan hệ giữa chức sắc tôn giáo với già làng ở các buôn làng có đạo. Nhiều chức năng vốn có của già làng hoặc mâu thuẫn với chức năng của chức sắc tôn giáo (tín ngưỡng đa thần, văn hóa) hoặc trùng hợp với chức năng của chức sắc tôn giáo (hôn nhân và cưới xin). Tình trạng chung là vai trò của già làng mờ nhạt hơn vai trò của chức sắc tôn giáo. Chưa kể ở một số buôn làng, già làng đồng thời là tín đồ tôn giáo hoặc đồng thời là chức sắc tôn giáo. Đặc biệt, ở một số ít buôn làng, già làng hầu như mất vai trò tối thiểu. Nhiều công việc vốn của già làng đã chuyển qua cho chức sắc tôn giáo xử lý. Cũng như thế, tình trạng hai trong một, vừa là già làng vừa là tín đồ tôn giáo cũng là trở lực vị thế để các già làng thực hiện đúng và triệt để vai trò cầu nối giữa truyền thống với hiện tại của mình. Thực tế này diễn ra rõ nét tại tỉnh Đắk Lắk, nơi tỷ lệ người DTTS tại chỗ theo đạo vào loại cao nhất so với các tỉnh Tây Nguyên.

Đề xuất kiến nghị

Xuất phát từ quan điểm: dựa trên nguyên tắc của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về quá trình phát triển của xã hội nguyên thuỷ và về vai trò của người có uy tín trong dân tộc; thực hiện chính sách dân tộc của Đảng, bảo đảm nguyên tắc đoàn kết, bình đẳng và tương trợ giữa các dân tộc; kết hợp thực hiện hài hòa chính sách dân tộc với thực hiện chính sách tôn giáo của Đảng; tôn trọng những đặc thù về hoàn cảnh lịch sử và truyền thống mọi mặt của buôn làng Tây Nguyên..., đề tài xin kiến nghị một số giải pháp sau:

Thứ nhất, tiếp tục duy trì vai trò của già làng. Già làng là phạm trù lịch sử, có sinh ra, có biến đổi và có mất đi. Già làng đã mất đi ở người Việt, sắp mất đi ở một số DTTS miền núi phía Bắc, nhưng còn hiện hữu và chưa xóa bỏ được ở các dân tộc Trường Sơn - Tây Nguyên. Trong những thập niên quá độ từ xã hội nhiều tàn dư nguyên thủy sang xã hội hoàn toàn theo pháp luật của Nhà nước thời gian qua và những thập niên tới, ở Tây Nguyên vẫn phải chấp nhận vai trò của già làng. Rồi sau này, già làng Tây Nguyên cũng mất đi dưới tác động của kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Vì vậy, do vai trò còn quan trọng trong đời sống, vẫn cần duy trì đội ngũ già làng ở các buôn làng Tây Nguyên. Kiến nghị này cũng xuất phát từ trình độ phát triển tự thân tiền giai cấp ở các DTTS tại chỗ Tây Nguyên. Từ xã hội truyền thống chuyển thẳng sang xã hội hiện đại bỏ qua các xã hội chiếm hữu nô lệ, phong kiến là bước chuyển dài và đột ngột, đòi hỏi sự kế thừa và tiếp nối nhiều truyền thống, trong đó có truyền thống quản lý xã hội của thiết chế già làng. Dự báo, trong một vài thập niên tới, dù muốn hay không, quản lý xã hội truyền thống vẫn tồn tại và có vai trò trong quản lý xã hội ở vùng các DTTS tại chỗ.

Thứ hai, có thái độ tôn trọng và lắng nghe già làng, coi già làng là người đại diện trí tuệ của cộng đồng trong việc kế thừa, phát huy các giá trị truyền thống tốt đẹp và hỗ trợ cho Đảng, Nhà nước lãnh đạo xây dựng cuộc sống mới và phát triển KT-XH ở các buôn làng ở Tây Nguyên.

Thứ ba, luôn đi sâu, đi sát già làng, thấu hiểu tâm tư nguyện vọng của già làng và tạo điều kiện để già làng phát huy vai trò của họ trong đời sống mọi mặt của người dân các cộng đồng buôn làng.

Thứ tư, phát huy vai trò của công tác dân vận và của cán bộ dân vận địa phương trong động viên, thuyết phục và phát huy vai trò của già làng, coi già làng là quần chúng tích cực và đặc biệt của Đảng.

Thứ năm, chú ý vận động, kế thừa và phát huy vai trò già làng ở các làng theo đạo Tin lành và Công giáo, khắc phục tình trạng ở đó già làng cũng là tín đồ tôn giáo có tư tưởng buông xuôi, ỷ lại và để chức sắc tôn giáo lấn át vai trò của già làng.

Thứ sáu, xây dựng tiêu chí và vị thế của già làng, trong đó làm rõ già làng không chỉ là người có uy tín, mà còn có chức năng, nhiệm vụ và đãi ngộ riêng nằm ngoài chức năng nhiệm vụ và đãi ngộ của người có uy tín trong cộng đồng ■

---

[1] Phan Hữu Dật. Xác định khái niệm các thuật ngữ già làng, trưởng bản. Báo cáo tham luận kỷ yếu đề tài khoa học cấp bộ: "Một số giải pháp nhằm phát huy vai trò của già làng, trưởng bản trong việc thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước". Hà Nội, 2004. Thư viện Uỷ ban Dân tộc, trang 1.

[2] Phan Hữu Dật. Một số vấn đề lý luận liên quan đến già làng, trưởng bản. Báo cáo tóm tắt kết quả đề tài khoa học cấp bộ: "Một số giải pháp nhằm phát huy vai trò của già làng, trưởng bản trong việc thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước". Hà Nội, 2004, trang 3.

[3] Bùi Minh Đạo (2010). Tổ chức và hoạt động buôn làng trong phát triển bền vững vùng Tây Nguyên. Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, trang 38.

[4] Bùi Minh Đạo (2010). Tổ chức và hoạt động buôn làng trong phát triển bền vững vùng Tây Nguyên. Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, trang 40-46.

[5] Xem thêm: Lưu Hùng. Già làng, chủ làng, hội đồng già làng trong xã hội truyền thống các dân tộc Tây Nguyên. Báo cáo chuyên đề trong kỷ yếu khoa học đề tài cấp bộ do Uỷ ban Dân tộc chủ trì, Phan Hữu Dật chủ nhiệm: "Một số giải pháp nhằm phát huy vai trò của già làng, trưởng bản trong việc thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước" (2004). Thư viện Viện Dân tộc, Uỷ ban Dân tộc.

[6] Bùi Minh Đạo (2010). Tổ chức và hoạt động buôn làng trong phát triển bền vững vùng Tây Nguyên. Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, trang 134.

[7] Xem thêm: Bùi Minh Đạo (2011). Thực trạng phát triển Tây Nguyên và một số vấn đề phát triển bền vững. Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, trang 169.